

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2021/HS-ST
Ngày: 27-7- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký tòa án TP Thanh Hóa

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa, tham gia phiên tòa:

Ông Lê Khánh Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 291/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2021/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 07 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc T - sinh năm 1977 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc Đ và bà Vũ Thị H; vợ: Lâm Thị L và 01 con; Tiền án: tháng 11/2018 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tiền sự: không; Nhân thân: năm 2015 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tạm giữ: ngày 23/4/2021; tạm giam: 29/4/2021, “có mặt”.

2. Phạm Như T2 - sinh năm 1987 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Y, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T3 và bà Lê Thị T4; vợ: Nguyễn Thị H và 02 con, Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ: ngày 23/4/2021; tạm giam: ngày 29/4/2021, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân sử dụng ma túy nên khoảng 12h00 ngày 23/4/2014, Trần Ngọc T một mình đi đến khu vực gầm cầu vượt P, phường P, thành phố T tìm mua ma túy. Tại đây, T gặp và mua của người đàn ông không biết tên và địa chỉ 01 gói ma túy loại hêrôin với giá 500.000đ. Sau khi mua ma túy, T cất giấu vào trong người và đi về nhà lấy một phần ra sử dụng, số ma túy còn lại chia thành 09 gói nhỏ để bán lại kiếm lời. Đến khoảng 17h20 cùng ngày Phạm Như T2 đến lều tôn của T ở trước A, phố X, phường Đ, thành phố T chơi. Tại đây, T đưa cho T2 07 gói và dặn T2 bán với số tiền 200.000đ/gói, nếu bán được thì T sẽ cho T2 500.000đ. T2 đồng ý và cầm số ma túy T đưa cất giấu ở dưới chuồng nuôi chó tại lều tôn để khi nào có người hỏi mua sẽ bán. Đến 17h40 cùng ngày, khi T2 đang đứng ở lều tôn của T để bán ma túy thì đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Thanh Hóa kiểm tra, bắt quả tang.

Đến 18h cùng ngày Trần Ngọc T đến cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bản thân phù hợp với lời khai của Phạm Như T2. Cơ quan Công an đã khám xét nơi ở của T ở phố T, phường Đ, thành phố T thu giữ được 02 gói nilong màu đen bên trong mỗi gói đều là giấy trắng chứa chất bột màu trắng do T tự giác giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 1469/PC09 ngày 28/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Thanh hoá kết luận:

- Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong mặt trước có ghi “Phạm Như T2” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,879g loại Hêrôin.

- Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong mặt trước có ghi “Trần Ngọc T” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,240g loại Hêrôin.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T nhưng T không biết tên và địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh xử lý.

Tại bản cáo trạng số 178/CT-VKS ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố các bị cáo Trần Ngọc T và Phạm Như T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS (đối với 02 bị cáo); điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS (đối với bị cáo T). Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo T từ 33 đến 36 tháng tù
- Bị cáo T2 từ 30 đến 33 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án thấy đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 17h20 ngày 23/4/2021, tại trước A, phố X, phường Đ, thành phố T. Công an thành phố Thanh Hóa đã phát hiện và thu giữ của Phạm Như T2 07 gói ma túy loại Hêrôin có tổng khối lượng 0,879g. T2 khai số ma túy trên là của Trần Ngọc T đưa cho T2 đem đi bán nhưng chưa kịp bán thì bị bắt.

Tại cơ quan điều tra, T thừa nhận đưa ma túy cho T2 như T2 khai là đúng. Quá trình khám xét chỗ ở của T, cơ quan Điều tra còn thu giữ được 02 gói ma túy do T giao nộp có tổng khối lượng 0,240g loại Hêrôin.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Trần Ngọc T và Phạm Như T2 có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm hại trật tự an toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Mặc dù, các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng do xem thường pháp nên đã mua bán trái phép chất ma túy để sử dụng và bán lại kiếm lời. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an chung cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Vai trò, trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất trước với nhau nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T2 là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo T.

Bị cáo T có nhân thân xấu đã bị cải tạo, giáo dục nhiều lần nay lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Bị cáo T2 mặc dù có nhân thân tốt nhưng với tính chất nghiêm trọng của loại tội phạm

về ma túy, mức độ và hành vi phạm tội thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

Do bị cáo T đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, bố các bị cáo đều là người có công với cách mạng, trong đó: bố bị cáo T được tặng huân chương kháng chiến, bố bị cáo T2 là thương binh 1/4 nên khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho 02 bị cáo. Tình tiết giảm nhẹ riêng cho bị cáo T là đầu thú theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng: Toàn bộ số ma túy thu của các bị cáo được niêm phong bằng phong bì thư là vật nhà nước cấm lưu hành, sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với 02 bị cáo). Điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS (đối với bị cáo T). Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T và Phạm Như T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: - Bị cáo Trần Ngọc T 33 (Ba ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2021.

- Bị cáo Phạm Như T2 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 23/4/2021.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong bằng phong bì thư của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 195/THA ngày 09/7/2021).

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKSND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy